

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 09-4-2024

“V/v tranh chấp về hợp đồng mua
bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

2. Ông Đỗ Hồng Quân.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-DS ngày 10/01/2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-DS ngày 01/3/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- **Người đại diện theo uỷ quyền của anh S:** Ông Đặng Văn K, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số B, Tổ F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (Theo văn bản uỷ quyền ngày 31/10/2022). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Trần Minh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số C, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh T: Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số C, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 06/02/2023). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Nguyễn Ngọc S là ông Đặng Văn K trình bày:

Anh Nguyễn Ngọc S với anh Trần Minh T trao đổi mua bán gạo thông qua điện thoại, sau đó anh S cho nhân viên giao gạo qua nhân viên của anh T theo thoả thuận miệng qua điện thoại, rồi nhân viên kế toán của anh T xác nhận gửi qua Zalo của anh S bảng chiết tính gồm có đơn giá, số lượng và thành tiền để anh T xác nhận trên nội dung tin nhắn Zalo với anh S.

Việc mua bán giữa anh S với anh T là mua bán giữa cá nhân với nhau. Do anh S với anh T là chỗ quen biết và làm ăn với nhau lâu năm nên anh S tin tưởng và chỉ thoả thuận, xác nhận nợ bằng lời nói thông qua điện thoại và nội dung tin nhắn Zalo.

Tính đến ngày 24/6/2022, anh T đã xác nhận với bên anh S đã giao gạo tại K1 xác nhận công nợ là còn nợ tổng cộng 381.700.000 đồng. Do đó, anh S yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho anh S số tiền mua gạo còn nợ là 381.700.000 đồng và không yêu cầu lãi chậm trả.

Tài liệu, chứng cứ để anh S chứng minh cho yêu cầu khởi kiện chỉ có bản phô tô Biên bản giao nhận hàng hoá, đề ngày 18/3/2022; bản phô tô 03 Tờ giấy tập kê ngang, đề ngày 15/3, 21/3/2022, 23/3/2022; 03 bản phô tô được in trên tờ giấy A4, có tiêu đề K1 3, gồm 01 trang và không có nội dung ký xác nhận công nợ.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Trần Minh T là ông Nguyễn Thành T1: Ông T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có người đại diện tham gia phiên họp, xét xử. Đồng thời, ông T1 và anh T cũng không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Ngọc S là ông Đặng Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Minh T là anh Nguyễn Thành T1 đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu trả số tiền nợ: Ông S yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền mua gạo còn nợ là 381.700.000 đồng và không yêu cầu lãi chậm trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông S cung cấp bản phô tô Biên bản giao nhận hàng hoá, đề ngày 18/3/2022; bản phô tô 03 Tờ giấy tập kê ngang, đề ngày 15/3, 21/3/2022, 23/3/2022; 03 bản phô tô được in trên tờ giấy A4, có tiêu đề Kho T, gồm 01 trang. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì *“Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”*. Và tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, qua các quy định nêu trên cho thấy các tài liệu, chứng cứ mà ông S cung cấp cho Tòa án không được coi là chứng cứ. Hơn nữa, Tòa án cũng đã có thông báo yêu cầu ông S cung cấp bản chính bản đối chiếu công nợ có chữ ký xác nhận của anh T và cung cấp tất cả các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông S vẫn không cung cấp thêm được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác.

[3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận và phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông S không được chấp nhận toàn bộ và ông S không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Ngọc S là ông Đặng Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Minh T là anh Nguyễn Thành T1 đều vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 và khoản 25 Điều 70, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 429, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S.

2. Về án phí và tạm ứng án phí: Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu số tiền 19.085.000 đồng (Mười chín triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 9.542.500 đồng (Chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng) mà ông S đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0016350, ký hiệu biên lai 14BE-21, quyển số 0327, ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò,

tỉnh Đồng Tháp. Ông S còn phải nộp tiếp số tiền 9.542.500 đồng (Chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc S và anh Trần Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Nhân